TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CR
THÀNH PHỐ CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2024/HNST.
Ngày: 29/8/2024.
V/v: "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR, THÀNH PHỐ CT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà **Huỳnh Thị Kim Xuân**.

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Ông **Bùi Thanh Trí**.

Ông **Nguyễn Văn Sang**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận CR, thành phố CT: Bà **Nguyễn Thị Thùy Vân** – kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2024/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp "***Ly hôn***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2024/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180A/2024/QĐST-HN ngày ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn TB**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp 6, xã TL, huyện TB, tỉnh CM. (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Võ QS**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: 098, khu vực Thạnh H, phường TT, quận CR, thành phố CT. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn TB trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn quen biết nhau là do tình cờ, tìm hiểu được khoảng 02 tháng thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TT, quận CR, thành phố CT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01, ngày 09/8/2010. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi, mặc dù bà đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có sự thấu hiểu và chia sẻ cùng nhau nhưng ông S không có thiện chí muốn

hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ lại nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và bà đã bỏ về bên nhà mẹ ruột sinh sống tại CM khoảng 10 năm nay. Từ lúc bà về sinh sống ở CM thì vợ chồng không có liên lạc hỏi thăm và quan tâm nhau nữa. Cho đến nay thì tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà không thể tiếp tục chung sống với ông S được nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn ông Võ QS.

- *Về con chung:* Có 01 con chung là cháu Võ TD (nữ), sinh ngày 13/01/2011. Nguyên đơn xin được giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng 1.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Võ QS mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày và cũng không có bất kỳ văn bản ý kiến nào gửi cho Tòa án xem xét.

Do Tòa án không tiến hành hòa giải được nên tiến hành việc công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

* Bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

* *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*: Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn ông Võ QS vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Xét về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Nay nguyên đơn có yêu cầu

ly hôn với bị đơn thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại tại UBND phường TT, quận CR, thành phố CT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01, ngày 09/8/2010 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không còn. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn không đến và cũng không có gửi bất kỳ văn bản trình bày ý kiến của mình để được xem xét. Điều đó cho thấy bị đơn không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ lại. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung:* Có 01 con chung là cháu Võ TD (nữ), sinh ngày 13/01/2011. Nguyên đơn xin được giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng và nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng chi phí nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Đối với yêu cầu về con chung thì trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để bị đơn cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nếu có yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng thì cung cấp cho Tòa án văn bản ý kiến của bị đơn để được xem xét. Tuy nhiên, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần và đã có gửi cho bị đơn các văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn cung cấp ý kiến nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án và cũng không có gửi bất kỳ văn bản ý kiến để được xem xét. Đồng thời, bị đơn cũng không có yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng. Tuy nhiên, nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng cho cháu D mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét thấy, cháu D hiện đang chung sống với bị đơn. Do đó, để không thay đổi môi trường sống và sinh hoạt thường ngày của cháu D nên giao cháu D cho bị đơn được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Giao cháu Võ TD (nữ), sinh ngày 13/01/2011 cho bị đơn được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu D đủ 18 tuổi, nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng chi phí nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đến khi con chung trưởng thành. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] *Về tài sản chung:* Nguyên đơn xin được tự thỏa thuận với bị đơn và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] *Về nợ chung*: Nguyên đơn khai không có, còn bị đơn thì không có ý kiến hay yêu cầu gì. Vì vậy, nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[7] *Về án phí:* Nguyên đơn bà Nguyễn TB phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, chuyển số tiền nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003508 ngày 31/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí hôn nhân sơ thẩm. Nguyên đơn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 28; 35; 39; 147; 227, 228; 266; 271; 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các điều 51, điều 53, điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn TB.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn TB được ly hôn với ông Võ QS.

3. *Về con chung*: Giao cháu Võ TD (nữ), sinh ngày 13/01/2011 cho ông Võ QS được tiếp tục nuôi dưỡng và bà Nguyễn TB có nghĩa vụ cấp dưỡng chi phí nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà B theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

4. *Về tài sản chung*: Nguyên đơn tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

5. *Về nợ chung*: Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

6. *Về án phí:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003508 ngày 31/5/2024 tại Chi cục Thi

hành án dân sự quận CR thành án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà Nguyễn TB phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT.

7. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND. TP. CT.
- VKSND.Q.CR.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA

Huỳnh Thị Kim Xuân